

**DANH SÁCH CĐV XUẤT SẮC
NĂM 2014**

STT	HỌ VÀ TÊN	CĐBP	GHI CHÚ
1	Nguyễn Kim Hồng	Phòng SDH	
2	Hoàng Văn Cẩm	Phòng Đào tạo	
3	Nguyễn Thị Minh Hồng	Khoa tiếng Trung	
4	Đặng Chính Nghĩa	Phòng Q TTB&Y tế	
5	Đỗ Thị Thanh Xuân	Chủ tịch CĐ Trường-CĐBP Phòng TCHC	
6	Huỳnh Công Ba	Phó CT CĐ Trường-CĐBP P. CT CT&HSSV	
7	Tôn Thúy Hằng	UV BTV CĐ Trường-CĐBP Tổ GDNC	
8	Nguyễn Văn Bình	BCH CĐ Trường-CĐBP Khoa Hóa học	
9	Lê Văn Lộc	BCH CĐ Trường-CĐBP Khoa tiếng Anh	
10	Nguyễn Vũ Thụ Nhân	BCH CĐ Trường-CĐBP Khoa Vật lý	
11	Tổng Xuân Tám	BCH CĐ Trường-CĐBP Khoa Sinh học	
12	Nguyễn Ngọc Trung	BCH CĐ Trường-CĐBP P. KT&BDCL	
13	Nguyễn	BCH CĐ	

	Vĩnh Trương- Khương CĐBP P.KH CN&MT- TCKH
14	Nguyễn BCH CĐ Thị Trường- Thanh CĐBP Khoa Hương GDMN
15	Phạm BCH CĐ Thị Hiền Trường - Hoa CĐBP Thư viện
16	Lê Thị BCH CĐ Tường Trường - Vân CĐBP Phòng KHTC
17	Nguyễn Phòng CTCT Sỹ Xuân - HSSV
18	Nguyễn Phòng KHTC Thị Bảy
19	Nguyễn Tổ NNKC Thị Tú
20	Nguyễn Tổ NNKC Kỳ Nam
21	Nguyễn Phòng TCHC Thị Hong Nhưng
22	Nguyễn Phòng TCHC Văn Hải
23	Lâm Phòng TCHC Thanh Minh
24	Vũ Thị Phòng TCHC Tố Nga
25	Lý Quốc Phòng TTĐT Bình - QLDA
26	Phạm Viện NCGD Văn Danh
27	Võ Thị Viện NCGD Tích
28	Lê Nhà xuất bản Thanh Hà
29	Võ Văn Nhà xuất bản Chính
30	Nguyễn Khoa Anh Hòa Nhã Lan

- | | |
|----|---|
| 31 | Trần Khoa Anh
Xuân
Bình |
| 32 | Nguyễn Khoa Anh
Tuấn
Phúc |
| 33 | Nguyễn Khoa Trung
Thị
Hạnh |
| 34 | Trần Khoa Trung
Khai
Xuân |
| 35 | Phạm Khoa Toán -
Thị Thu Tin
Thủy |
| 36 | Bùi Thị Khoa Toán -
Thanh Tin
Mai |
| 37 | Cao Lê Khoa Tiếng
Dung Nhật
Chi |
| 38 | Trần Phòng KHCN
Hoàng - TCKH |
| 39 | Trần Thị Thư Viện
Tuyết
Nga |
| 40 | Nguyễn QTTB - Y tế
Ngọc
Dùng |
| 41 | Nguyễn QTTB - Y tế
Quang
Cường |
| 42 | Nguyễn QTTB - Y tế
Thị Thu
Hiền |
| 43 | Tạ Thị Phòng Đào
Thắng Tạo |
| 44 | Nguyễn Ký Túc Xá
Anh Đài |
| 45 | Biện Ký Túc Xá
Xuân
Tăng |
| 46 | Nguyễn Sau Đại Học
Đức
Quyết |
| 47 | Lê Thu Trường
Hương THTH |
| 48 | Hồ Lộc Trường
Thuận THTH |
| 49 | Triệu Trường |

	Thế khôi	THTH
50	Lê Phòng	CNTT
	Nguyễn	
	Quỳnh	
	Thy	
51	Lê Thị	Khoa GDĐB
	Minh Hà	
52	Nguyễn	Khoa GDMN
	Kim	
	Uyên	
53	Nguyễn	Khoa GDTH
	Thị Như	
	Hằng	
54	Phạm	Khoa GDTH
	Hải Lê	
55	Nguyễn	Khoa GDCT
	Trung	
	Tính	
56	Đỗ Thị	Khoa GDCT
	Thúy	
	Yến	
57	Trần Thị	Tổ GDNC
	Kim	
	Liên	
58	Bùi Trần	Khoa Ngữ
	Quỳnh	Văn
	Ngọc	
59	Nguyễn	Khoa Ngữ
	Bích	Văn
	Nhã	
	Trúc	
60	Phan	Khoa Ngữ
	Thu Vân	Văn
61	Trần Thị	Khoa Ngữ
	Đoan	Văn
	Trang	
62	Đặng	Khoa Ngữ
	Duy	Văn
	Luân	
63	Nguyễn	Khoa Địa Lý
	Văn	
	Luyên	
64	Tạ Thị	Khoa Địa Lý
	Ngọc	
	Bích	
65	Hà Thị	Khoa Sinh
	Bé Tư	
66	Nguyễn	Khoa Sinh
	Thiên	
	Phú	

- | | | |
|----|----------|--------------|
| 67 | Lê Thị | Khoa Hóa |
| | Diệu | |
| 68 | Trần Thị | Khoa Hóa |
| | Thu | |
| | Thủy | |
| 69 | Lê Văn | Khoa Hóa |
| | Đặng | |
| 70 | Nguyễn | Khoa Hóa |
| | Thị | |
| | Tuyết | |
| | Nhung | |
| 71 | Trương | Khoa Hóa |
| | Quốc | |
| | Phú | |
| 72 | Lê Thị | TT Tin Học |
| | Huyền | |
| 73 | Nguyễn | Khoa Pháp |
| | Thức | |
| | Thành | |
| | Tín | |
| 74 | Nguyễn | Khoa Pháp |
| | Thị Tươi | |
| 75 | Đào Thị | Khoa Lịch Sử |
| | Mộng | |
| | Ngọc | |
| 76 | Nguyễn | Khoa Lịch Sử |
| | Minh | |
| | Mẫn | |
| 77 | Nguyễn | Khoa GDQP |
| | Thị | |
| | Thanh | |
| | Hải | |
| 78 | Ngô | Khoa Nga |
| | Chân | |
| | Mỹ | |
| 79 | Trần | Khoa Vật Lý |
| | Đặng | |
| | Bảo Ân | |
| 80 | Mai | Khoa Vật Lý |
| | Hoàng | |
| | Phương | |
| 81 | Phan | Khoa Vật Lý |
| | Thị | |
| | Ngọc | |
| | Loan | |
| 82 | Phan | Khoa Vật Lý |
| | Thị | |
| | Minh | |
| | Tâm | |
| 83 | Nguyễn | Khoa Vật Lý |

84	Ngọc Ty Huỳnh Mai Trang Khoa Tâm Lý Giáo Dục
85	Nguyễn Văn Hiến Khoa Tâm Lý Giáo Dục
86	Lý Thị Thanh Trúc Khoa Tâm Lý Giáo Dục
87	Võ Thị Hồng Trưóc Khoa Tâm Lý Giáo Dục
88	Nguyễn Thị Vân Khoa GDTC
89	Phạm Thị Lệ Hằng Khoa GDTC
90	Bùi Ngọc Bích Khoa GDTC
91	Ngô Kiên Trung Khoa GDTC
92	Ngô Quốc Việt Khoa CNTT
93	Trần Đức Tâm Khoa CNTT
94	Võ Phương Nguyên Khoa CNTT
95	Nguyễn Đức Thuần TT Ngoại Ngữ
96	Trần Thanh Hải TT Ngoại Ngữ